TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2018/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 04 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018:

Nguyên đơn: Anh Lê Xuân Th (Lê Văn Th), sinh năm 1979;

Bị đơn: Chị Cao Thị Ng, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân Th (Lê Văn Th) và chị Cao Thị Ng.

2. Công nhận sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

2.1. Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

Anh Lê Xuân Th (Lê Văn Th) và chị Cao Thị Ng có hai con chung là các cháu Lê Đức H, sinh ngày 19-9-2007 và Lê Đức H1, sinh ngày 18-5-2010. Anh Th và chị Ng thỏa thuận giao các cháu Lê Đức H và Lê Đức H1 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Th cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/cháu/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 04-4-2018 cho đến khi các cháu thành niên và tự lực được hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực

hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Th và chị Ng thỏa thuận anh Th chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng, tổng cộng là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004681 ngày 15-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Th đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- CCTHADS huyện Ia Grai;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Văn Quảng